

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2022/DS-PT**

Ngày: 21 - 4 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Phước Hiệu.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Quân,

Bà Vũ Thị Thanh Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2022/QĐ – PT ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: thôn 3, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn 1, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ông P ủy quyền cho bà S tham gia phiên tòa theo giấy ủy quyền được UBND xã M chứng thực ngày 18/4/2022. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình P1, sinh năm 1954. Địa chỉ: thôn 2, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

**Người kháng cáo:** Ông Trần Văn P - bị đơn (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:* Trước đây, bà T có cho vợ chồng bà S, ông P vay số tiền 21.500.000đồng để đi điều trị bệnh thận của ông P. Thời điểm này, bà S có ký vào tờ giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi. Bà T cho vợ chồng bà S trả hàng tháng 5.000.000đồng. Khi đến hạn bà T đã nhiều lần đến nhà yêu cầu trả tiền nhưng bà S không trả. Vì vậy mà ông P viết thêm một tờ giấy nợ khác thể hiện có vay bà T số tiền 21.500.000đồng vào ngày 17/10/2018. Sau khi ông P viết giấy nợ thì bà T đã trả lại cho ông P giấy nợ mà trước đây bà S ký. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông P, bà S phải trả lại số tiền 21.500.000đ, bà T không yêu cầu tính lãi.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình P1 trình bày:* Ông P1 và bà Trần Thị T là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Số tiền mà bà T kiện đòi vợ chồng ông P là tài sản riêng của bà T, không liên quan đến ông. Do đó, ông P1 không có yêu cầu gì.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:* Vào năm 2017 bà S mua 01 bảo hiểm do bà T làm đại lý bán với số tiền 15.000.000đồng. Trước khi mua, bà S nói không có tiền mua, nhưng bà T cho hót hụi để đóng bảo hiểm. Bản thân bà S không rành về hụi, nhưng bà T nói ông P đang bị bệnh thận thì bản thân bà S là vợ phải có trách nhiệm lo sức khỏe cho ông P. Bà T nhiều lần thuyết phục bà S mua bảo hiểm nên bà S đồng ý. Sau đó, bà S đi đến nhà bà T thì gặp chị L. Bà S hỏi chị L về cách thức chơi hụi thì chị L nói là chơi để có số tiền chứ không có lỗ nhiều nên bà S tham gia chơi hụi do bà T làm chủ. Bà T có viết cho bà S một tờ giấy nhỏ, còn hụi bao nhiêu người chơi, số tiền bao nhiêu thì bà S không biết. Bà T đưa cho bà S số tiền 22.000.000đồng nhưng trừ vào hợp đồng bảo hiểm là 15.000.000đồng. Sau đó, bà S đóng hàng tháng cho bà T 3.000.000đồng, nhưng các bên không viết giấy tờ gì. Thấy thời gian đóng tiền rất lâu mà không hết nợ nên bà S có hỏi bà T tại sao đóng hoài không hết thì bà T nói là chơi hụi thì phải đóng.

Bà S thừa nhận trước đây bà có ký vào một tờ giấy trong cuốn sổ nhỏ của bà T có nội dung: bà S nợ bà T số tiền 21.500.000đồng. Tuy nhiên, bà S đã trả xong cho bà T số tiền này nhưng bà T vẫn vào nhà đòi nợ và chửi bới. Có lần vào đêm khuya, bà T đến nhà đòi nợ và chửi bới. Do sợ làm phiền đến cha mẹ, hàng xóm nên ông P đã ký vào một tờ giấy ghi nợ thừa nhận còn nợ bà T số tiền 21.500.000đồng. Thực tế thì vợ chồng bà S không có nợ gì bà T. Do đó bà S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà S cho rằng: Chữ ký trong giấy nợ (giấy pho to) có trong hồ sơ vụ án không phải là chữ ký của bà S. Bà S yêu cầu bà T phải cung cấp tờ giấy ghi nợ do bà S ký trong cuốn sổ nhỏ để bà S xác định đó có phải là chữ ký của bà S hay không.

*Bị đơn ông Trần Văn P trình bày:* Vào năm 2018, do bà T đến nhà ông P chửi bới, la lớn tiếng. Do trời tối nên ông P sợ làm phiền đến hàng xóm. Ông P không biết bà T tính toán sao mà cho rằng vợ chồng ông còn nợ số tiền 21.500.000đồng. Bản thân ông P không muốn cha mẹ biết nên ông P đã ký nhận nợ cho bà T số tiền 21.500.000đồng. Thực tế vợ chồng ông P không nợ gì của bà T vì bản thân ông P bị bệnh thận thì bà T không thể cho mượn tiền. Nếu bà T cho ông P mượn tiền thì ông P không có khả năng trả. Nhưng thời gian sau khi ký giấy ghi nợ, hàng tháng ông P tiết kiệm tiền để trả nợ cho bà T từ 01 đến 02 triệu đồng, trả trong thời hạn 02 năm. Khi trả tiền các bên không viết giấy tờ gì. Ông P có ghi vào sổ theo dõi nhưng không còn lưu giữ. Ông P xác định số tiền ghi nợ vào năm 2018 đã trả xong nên không còn nợ bà T. Do đó, ông P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T cung cấp 01 giấy ghi nợ ngày 17/10/2018 do ông Trần Văn P xác lập; 01 USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T và ông P. Ông P, bà S thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy ghi nợ ngày 17/10/2018 là của ông P và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương về những vấn đề liên quan đến vụ án và lấy lời khai 06 người làm chứng theo yêu cầu của ông P, bà S.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã quyết định:*

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 271; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, khoản 2 Điều 470; khoản 2 Điều 357 BLDS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T: Buộc ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ 21.500.000đồng (hai mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Chia phần:

- Ông Trần Văn P có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T số tiền 10.750.000 đồng (mười triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T số tiền 10.750.000 đồng (mười triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bị đơn ông Trần Văn P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy bị đơn ông Trần Văn P kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị S trả số tiền nợ gốc 21.500.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T đã giao nộp 01 bản gốc “giấy ghi nợ” ngày 17/10/2018 do ông Trần Văn P viết và ký tên. Nội dung thể hiện ông P có vay của bà Đức (tên thường gọi của bà T) số tiền 21.500.000 đồng, vay không có lãi, mục đích vay để chữa bệnh. Mỗi tháng ông P phải trả 5.000.000 đồng tiền gốc. Bà T xác nhận

chỉ có duy nhất 01 khoản nợ 21.500.000 đồng nhưng được ghi thành 02 lần, cụ thể bà S ghi vào ngày 25/7/2018 còn ông P ghi vào ngày 17/10/2018.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị S thừa nhận: Vào năm 2018 bà S có ký một giấy ghi nợ có nội dung vay của bà T 21.500.000đồng. Nguồn gốc số tiền nợ này là do bà S mua bảo hiểm do bà T làm đại lý nhưng không có tiền trả nên bà S đã tham gia chơi hụi do bà T làm chủ và hốt hụi trước để trả tiền bảo hiểm, sau đó đóng hụi chết hàng tháng cho bà T. Ngoài ra, còn có số tiền nợ mua thịt heo của bà T nên bà T đã tính toán tổng cộng bà S còn nợ 21.500.000đồng. Ông P và bà S đều thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy ghi nợ ngày 17/10/2018 là của ông Trần Văn P. Do đó, việc bà S yêu cầu làm rõ giấy ghi nợ ngày 25/7/2018 là không cần thiết. Ông P và bà S đều cho rằng vợ chồng ông đã trả xong số tiền nợ 21.500.000đồng cho bà T. Lời khai này của ông P, bà S không được bà T thừa nhận. Phía ông P và bà S không cung cấp được chứng cứ đã trả nợ. Ngoài ra, lời khai của những người làm chứng do ông P và bà S yêu cầu đều không chứng minh được vợ chồng ông P nợ bà T bao nhiêu tiền, nợ những khoản nào và đã trả được bao nhiêu tiền, trả thời gian cụ thể khi nào. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ từ Công an huyện Tánh Linh liên quan đến đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị S đối với bà Trần Thị T vào năm 2018 nhưng vẫn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh được vợ chồng bà S đã trả cho bà T 21.500.000đồng theo như trình bày của vợ chồng ông P. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án để tuyên buộc ông P và bà S phải liên đới trả cho bà T số tiền 21.500.000đồng là có căn cứ pháp luật.

Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn P là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã chia phần nghĩa vụ trả nợ giữa ông P và bà S là không phù hợp, bởi ông P và bà S là vợ chồng nên phải có nghĩa vụ liên đới về tài sản. Do đó cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại phần tuyên án cho đúng quy định.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Áp dụng Điều 288, Điều 357, Điều 463 và khoản 1, 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ 21.500.000đồng (hai mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị S phải nộp 1.075.000đồng (một triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007455 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Ông P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/4/2022).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tánh Linh;
- Chi Cục THADS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Phước Hiệu**